**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**THỊ XÃ PHÚ MỸ**
**TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 106/2018/HNGĐ-ST
Ngày 29-11-2018
V/v "Ly hôn"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đặng Đức Hào

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Hiền

Ông Nguyễn Ngọc Ân

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Lưu Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Ông Đặng Quang Nam -Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 424/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 98/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2018/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn*: Bà Trần Thị L, sinh năm X. Địa chỉ: Tổ A, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (có mặt);

*Bị đơn*: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm Y. Địa chỉ: Tổ B, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu (vắng mặt);

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

- ***Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày***:

Vào năm 1993, bà L và ông T tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau nhưng đến ngày 06/6/2014 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 1997 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu rồi về quậy phá đánh đập vợ con. Mặc dù bà L đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông T vẫn chứng nào tật đó.

Nay bà L thấy vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Do đó, bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà L, ông T Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc C, sinh năm Y và Nguyễn Ngọc P sinh năm Z. Các con đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Đối với bị đơn:* Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đã tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ đối với bị đơn theo đúng quy định tại nhưng bị đơn không đến làm việc, không có văn bản trả lời và không cung cấp chứng cứ nên không ghi nhận được ý kiến.

- ***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tiến hành các thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do bà L cung cấp nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ nên cần chấp nhận cho bà L và ông T được ly hôn; về con chung: đã trưởng thành nên không xem xét, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không giải quyết.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật*: Bà Trần Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Thanh T, có địa chỉ tại tổ B, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thị xã P, quan hệ pháp luật là " *Ly hôn*".

[2]*Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng trong vụ án:*

Đối với bị đơn, tại biên bản xác minh ngày 01/10/2018, ông Nguyễn Văn Dũng và đại diện công an phường Tân Phước xác nhận : hiện ông Nguyễn Thanh T vẫn đang sinh sống tại tổ B, khu phố S, phường T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ông T thường xuyên đi làm vắng nhà nên Tòa án đã tiến hành tống đạt thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nhận tiếp cận và công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho người thân thích của ông T theo đúng quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, để xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

[3]*Về điều kiện và quan hệ hôn nhân:* Bà L và ông T tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành(nay là phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ) , tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên hôn nhân giữa ông T và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000.

[4] *Xét yêu cầu của nguyên đơn* **:**

*Về tình cảm*: Quá trình tố tụng, tuy ông T không đến làm việc, không đưa ra ý kiến, không có mặt tại phiên tòa nhưng qua kết quả xác minh tại phường Tân Phước thì bà L và ông T hiện đã ly thân, không còn sống chung với nhau. Qua lời khai của bà L thì khoảng 10 năm gần đây vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T thường xuyên ăn nhậu đánh đập bà L và bà đã chịu đựng đến nay để các con trưởng thành mới xin ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng là có thật và đã kéo dài nên cuộc sống chung của vợ chồng không có hạnh phúc .

Vì vậy hôn nhân giữa ông T và bà L đã thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử đồng ý cho bà L được ly hôn với ông T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không thiếu nợ ai nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bà Trần Thị L phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị L

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Các con đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không yêu cầu giải quyết, vợ chồng không thiếu nợ ai nên Tòa án không xem xét

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Trần Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004546 ngày 20 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ. Như vậy, bà L đã nộp đủ tiền án phí.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai)

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***(đã ký)***

**Đặng Đức Hào**

***Nơi nhận***:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- UBND phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.